

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/HS-ST
Ngày: 23/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Chung Kim Sang**

2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Mai Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 95/2025/TLST-HS, ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Viên Đăng K - sinh năm 1997; Nơi cư trú: số D, ấp T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Viên Thanh V và bà Trần Thị Tuyết L; Tiền án, tiền sự: không có; Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 10/01/2024, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 30/8/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố R khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện đang tại ngoại, cư trú tại địa chỉ số D, ấp T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số F, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Hồ Thị N1, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số F, khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng:

Phạm Minh T – sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: P, đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Phù Chi Nhất L1 – sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: số C, đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/01/2024, ông Phạm Minh T, nhận được tin nhắn của người bạn là chị Hồ Thị X (còn gọi là Tú A) giới thiệu Viên Đăng K cho ông T cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến khoảng 15 giờ 20 phút, ngày 26/01/2024 thì ông T và K gặp nhau tại Quán cà phê "Gấu" ở góc đường L giao nhau với đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang để thỏa thuận việc cầm cố. Khi gặp, K đưa cho ông T xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang mang tên Viên Đăng K và đề nghị ông T cầm cho K với số tiền 50.000.000 đồng. Do ông T chỉ là người môi giới để hưởng hao hồng từ số tiền K vay nên ông T gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do K cung cấp cho ông Phù Chi Nhất L1 để giới thiệu cho ông L1 cầm cố cho K thì ông L1 phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này K đã mang đến cầm cho ông L1 vào ngày 17/01/2024 với số tiền 100.000.000 đồng, ông L1 phát hiện là giấy giả nên không đồng ý cầm cho K nên ông L1 thông báo cho ông T biết để dừng giao dịch. Sau khi được ông L1 thông báo, ông T dừng giao dịch và trình báo vụ việc đến Công an phường A. Nhận được tố giác ông T, Công an A đến làm việc. Quá trình làm việc, qua kiểm tra lực lượng Công an đã thu giữ của Khoa 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Viên Đăng K, sinh năm: 1997, CCCD: 091097006137; Địa chỉ thường trú: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong đó có 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng có số DT752064, địa chỉ thửa đất ở thị trấn S, huyện H, Kiên Giang và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng có số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang và một số tài liệu khác có liên quan, K khai nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là giả, (bút lục số: 01, 05-07, 124-127, 132-135).

Quá trình điều tra, K khai nhận: vào khoảng tháng 10 năm 2023, trong lúc sử dụng mạng xã hội Facebook, K phát hiện một tài khoản Facebook (K không nhớ tên tài

khoản) có nhận làm giả nhiều loại giấy tờ, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì K nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên K đã tạo một tài khoản Facbook (K không nhớ tên và K đã xóa tài khoản này sau khi nhận được giấy tờ giả) rồi liên hệ với tài khoản Facbook trên đặt làm 08 (tám) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Viên Đăng K, sinh năm: 1997, CCCD: 091097006137. Địa chỉ thường trú: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong đó có 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng có số DT752064, địa chỉ thửa đất ở thị trấn S, huyện H, Kiên Giang và 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng có số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang. Các thông tin trên do K cung cấp cho các đối tượng làm giả với số tiền 1.300.000 đồng. Đến khoảng tháng 12 năm 2023, K nhận được số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh và trả tiền trực tiếp cho người giao (K không nhớ tên đơn vị vận chuyển).

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Viên Đăng K đã mang đi cầm cố cho các bị hại sau:

Ngày 25/12/2023, K nhờ ông Đào Hùng P mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang đến tiệm C, số F, khu phố T, thị trấn S, huyện H cầm cho bà Hồ Thị N1 (ông P là anh chồng của bà N1) với số tiền 40.000.000 đồng. Bà N1 định không cầm thì ông P kêu bà N1 đứng ra cầm dùm ông P và ông P đưa số tiền 40.000.000 đồng cho bà N1 để bà N1 đưa cho K thì bà N1 đồng ý. Qua ngày hôm sau, K mang Căn cước công dân đến gặp bà N1 đề làm hợp đồng cầm cố. Khi đó, K yêu cầu cầm thêm 10.000.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng thì bà N1 đồng ý. Sau khi, cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho K thì bà N1 đưa lại cho ông P 40.000.000 đồng mà ông P đã đưa trước đó và nói với ông P là để cho bà N1 cầm cho K. Khoảng 01 tháng sau, K tiếp tục gặp bà N1, yêu cầu cầm thêm số tiền 50.000.000 đồng, bà N1 đồng ý và làm hợp đồng cầm cố khác với K với tổng số tiền cầm cố là 90.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng. Đến ngày 26/01/2024, khi được Công an thành phố R thông báo qua điện thoại bà N1 mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cầm cho K là giấy giả, (*bút lục số: 75, 77, 80, 81, 169, 170, 199, 200*).

Ngày 08/01/2024, K mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang đến Tiệm cầm đồ Anh N tại khu phố T, thị trấn S, huyện H cầm cho bà Nguyễn Thị H với số tiền là 40.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2024, K tiếp tục đến gặp bà H cầm thêm 50.000.000 đồng, bà H đồng ý và cả hai lập hợp đồng cầm cố tài sản với tổng số tiền là 90.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, (*bút lục số: 78, 79, 112, 113, 118, 119, 138, 139*).

Đến ngày 26/01/2024, K mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang đến định cầm cho ông T với số tiền 50.000.000 đồng thì bị phát hiện. Ngày 26/6/2024, Viên Đăng K bị khởi tố, cấm đi khỏi nơi cư trú để phục vụ điều tra.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Viên Đăng K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị hại, người làm chứng thống nhất với nội dung sự việc như đã nêu trên.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật:

- 01 (một) tờ giấy A4 có ghi chữ hợp đồng cầm cố tài sản giữa bên A là Nguyễn Thị H và bên B là Viên Đăng K vào ngày 10/01/2024 có chữ ký của Viên Đăng K, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- 04 (bốn) tờ giấy A4, trong có ba tờ giấy A4 là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên A là Viên Đăng K và bên B là Hồ Thị N1 cùng một tờ giấy A4 là giấy xác nhận nợ của Viên Đăng K vào ngày 25/12/2023, tất cả có chữ ký của Viên Đăng K, đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- 08 (tám) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Viên Đăng K, sinh năm: 1997, CCCD: 091097006137. Địa chỉ thường trú: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong đó có 04 giấy tờ đất cùng có số DT 752064, địa chỉ thửa đất ở thị trấn S, huyện H, Kiên Giang và 04 giấy tờ đất cùng có số BL 658279, địa chỉ Lô S, đường N, phường A, thành phố R, Kiên Giang, đã đưa vào hồ sơ vụ án (*bút lục số: 02, 74*).

- Tại Kết luận giám định số 424/KL-KTHS, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh K xác định:

1. 04 (bốn) "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" có cùng số: BL 658279 mẫu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 là giả.

2. 04 (bốn) "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" có cùng số: DT 752064 mẫu cần giám định kí hiệu từ A5 đến A8 là giả (*bút lục số: 34, 35*).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại Hồ Thị Thanh N1 và Nguyễn Thị H, các bị hại không có yêu cầu gì khác (*bút lục số: 128-131*).

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKSRG, ngày 12 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Viên Đăng K về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Viên Đăng K mức án 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt đối với 02 tội danh.

- Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được đưa vào hồ sơ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, các bị hại không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai của bị cáo, người làm chứng; vật chứng cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Với mục đích để có tiền tiêu xài và trả nợ, vào khoảng tháng 10 năm 2023, Viên Đăng K đã tạo một tài khoản mạng xã hội Facebook và sử dụng tài khoản này đặt mua 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Viên Đăng K trong đó 04 giấy cùng số: BL658279; 04 cùng số: DT752064 của một tài khoản Facebook không xác định được tên. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, từ ngày 25/12/2023 đến ngày

10/01/2024, K đã sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BL658279 để thế chấp vay của các bị hại Hồ Thị Thanh N1 và Nguyễn Thị H mỗi người 90.000.000 đồng. Qua đó, đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

Do đó, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Viên Đ K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với các lần dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố cho ông Phạm Minh T và ông Phù Chi Nhất L1 của Viên Đăng K, nhận thấy quá trình trao đổi ông T, ông L1 chưa có thỏa thuận số tiền cụ thể sẽ cầm cho K cũng như K chưa nhận được tài sản từ ông T, ông L1. Do đó, chưa đủ căn cứ để xử lý Khoa đối với các vụ việc trên.

Đối với đối tượng không rõ nhân thân có hành vi làm giả giấy tờ đất cho bị cáo, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh K tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của bị cáo:

Xét thấy bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, qua đó ảnh hưởng đến hoạt động và uy tín của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cụ thể trong vụ án này, bị cáo đã sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BL658279 để thế chấp vay của các bị hại Hồ Thị Thanh N1 và Nguyễn Thị H mỗi người 90.000.000 đồng, qua đó đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

Vì vậy đứng trước phiên tòa hôm nay, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình đã gây ra, do đó cần phải xử lý các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm tuyên truyền, phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng do phạm tội 02 lần trở lên (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”).

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ do trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên cần thiết áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy bị cáo được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã viện dẫn, bên cạnh đó cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định của điều luật đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Viên Đăng K** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo **Viên Đăng K** mức án **06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, **02 (hai) năm tù** về tội “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ giả của cơ quan, tổ

chức”. Tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được đưa vào hồ sơ vụ án nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, các bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Viên Đăng K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2025). Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R;
- Công an tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS TP. R;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân